

Số: 23/2024/QĐST- HNGĐ

Sông Mã, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 54/2023/TLST - HNGĐ, ngày 21/12/2023, giữa các đương sự sau:

- *Nguyên đơn*: Chị Lương Thị B, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản T, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản H, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lương Khắc C và bà Bùi Thị H. Nơi cư trú: Bản T, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 54, 55, 57, 58, 63, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các Điều 24, 26; các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị B và anh Nguyễn Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1 Về con chung:

Chị Lương Thị B trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn A - sinh ngày 12/4/2014 cho đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Văn X - sinh ngày 23/01/2011 cho đến khi 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị B và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau, có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

2.2 Về tài sản chung, nợ chung:

a) Về tài sản chung: Chị B được quyền sử dụng 01 diện tích đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 106, tờ bản đồ số 79, địa chỉ thửa đất tại bản T, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La cùng quyền sở hữu toàn bộ tài sản có trên đất. Tổng giá trị tài sản chung là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Cụ thể:

a.1) Về đất: Tổng diện tích là 173,9 m² (trong đó có 35m² nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường Quốc lộ 4G), là đất trồng cây lâu năm. Được xác định từ điểm A1 đến các điểm A8, A9, A16 trong sơ đồ; có các tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đất bà Thanh: được xác định từ điểm A9 đến A16; chiều dài cạnh lần lượt là 11,26m, 3,56m, 3,40m, 8,34m, 1,33m, 1,87m, 5,16m.

Phía Đông giáp đường quốc lộ 4G: được xác định từ điểm A1 đến A16; có chiều dài cạnh là 5,03m.

Phía Nam giáp đất ông Sáng: được xác định từ điểm A1 đến điểm A8; có cạnh lần lượt là 5,54 m, 1,42m, 1,78m, 8,24m, 3,40m, 3,60m, 10,75m.

Phía Tây giáp đất ông Sáng: được xác định từ điểm A8 điểm A9; có chiều dài cạnh là 5,0 m.

Phần diện tích đất là 35m² nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường Quốc lộ 4G được xác định từ điểm A3 đến các điểm A14, A16, A1. Có chiều dài cạnh lần lượt là 5,00m, 1,87m, 5,16m, 5,03m, 5,54m, 1,42m.

- Khuân viên đất đã có hàng rào B40 vây kín.

- Ngoài diện tích đất đang sử dụng thực tế nêu trên gia đình chị B còn đang sử dụng 1,1m² đất nằm trong hành lang giao thông mà trước đó Nhà nước đã thu hồi, được xác định từ điểm A16 đến điểm A17, A1.

a.2) Về tài sản trên đất

- 01 Phần bán mái phía trước, được ký hiệu là N1 trong sơ đồ. Có tổng diện tích là 16,0 m².

Được xác định từ điểm A2, A3, A4 đến A13, A14, A15; chiều dài các cạnh lần lượt là 1,42m, 1,78 m, 5,00 m, 1,33m, 1,87 m; 5,00 m. (Trong đó có

cạnh A2,A3 đến A14, A15 là phần tài sản nằm trong hành lang giao thông diện tích là 8,2 m²).

- 01 nhà xây một tầng, tường chịu lực 110mm, mái lớp tôn, nền lát gạch men được ký hiệu là N2. Tổng diện tích xây dựng là 41,4m²

Được xác định tại các điểm A4, A5 đến A12, A13 có chiều dài các cạnh lần lượt là 8,24m, 5,00m, 8,34m, 5,00m.

- 01 Nhà bếp được ký hiệu N3 trong sơ đồ. Có tổng diện là 17,0 m².

Được xác định từ điểm A5, A6 đến các điểm A11, A12; có các cạnh lần lượt là 3,40 m; 5,00m; 3,40m; 5,00m.

- 01 Phần bần mái phía sau, được ký hiệu là N4 trong sơ đồ. Có diện tích là 17,8 m².

Được xác định từ điểm A6, A7 đến các điểm A10, A11; có các cạnh lần lượt là 3,60 m; 5,00m; 3,56 m; 5,00 m.

Tài sản trên đất: 01 cây mít cho quả dưới 3 năm.

(Có sơ đồ mô tả kèm theo)

Chị Lương Thị B phải sử dụng diện tích đất này theo đúng các quy định của pháp luật về Đất đai và được liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai theo quy định của pháp luật và quyền sở hữu các tài sản trên đất theo quy định chung.

* Chị B trả tiền chia chênh lệch giá trị tài sản chung cho anh P là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), anh Phúc đã nhận đủ số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) do chị B trả tiền chia chênh lệch tài sản chung này.

b) Về nợ chung: Chị B trả cho ông Lương Khắc C – bà Bùi Thị H số tiền là 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Thời hạn trả do hai bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Lương Thị B chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí xin ly hôn, 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền án phí chia tài sản chung, 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tiền án phí chia nợ chung nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.300.000đ (*Hai triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La theo biên lai số 0000771 ngày 21/12/2023; chị Lương Thị B còn phải nộp tiếp 1.850.000đ (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sông Mã;
- Chi cục THADS huyện Sông Mã;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Nhung